

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **39/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: **25/9/2020.**

"V/v tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung".

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Tố Uyên**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Trung Bắc** và bà **Vũ Thị Khuôn**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Hoàng Phương** -

Thư ký Tòa án - Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Quang Hưng** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 406/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020 về việc "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2020/QĐXX ngày 09/9/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Đoàn Hữu D**, sinh năm 1981

- Bị đơn: Chị **Trần Thị Kim H**, sinh năm 1981

Đều đăng ký hộ khẩu tại: Thôn An L, xã An L, huyện Nam S, tỉnh Hải Dương.

Đều đăng ký tạm trú và chỗ ở hiện nay: Số 2 Phan BC, phường Cẩm T, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (*Xưởng sửa chữa ô tô Duy H*).

(Anh D có mặt; chị H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa anh **Đoàn Hữu D** trình bày: Anh với chị H được tự do tìm hiểu nhau khoảng 02 tháng, hai bên gia đình tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn ngày 18/3/2003 tại UBND xã An L, huyện Nam S, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhà với bố mẹ anh, đến năm 2008 vợ chồng mua đất làm nhà ra ở riêng. Đến năm 2010, vợ chồng chuyển sang thành phố Hải Dương thuê nhà đất của Hội C tỉnh Hải Dương thuộc phường Cẩm T để ở và làm nhà xưởng sửa chữa ô tô. Anh xác định ngay sau khi kết hôn được một một tuần vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do

vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống trong mọi lĩnh vực, chị H coi trọng đồng tiền là trên hết và luôn luôn bắt anh phải nghe và làm theo ý chị H. Mặc dù, anh là lao động chính trong gia đình làm thợ sửa chữa ô tô, kiếm tiền nuôi cuộc sống gia đình, chị H là người trực tiếp quản lý kinh tế nhưng chị H không tôn trọng anh. Mặt khác, trong cuộc sống hàng ngày chị H có những hành động thái quá, dùng những lời lẽ thô tục xúc phạm, nhục mạ anh trong suốt nhiều năm nay. Bản thân anh đã nhịn nhục với mong muốn cho các con có chỗ dựa tinh thần có đủ bố mẹ. Nhưng thực tế càng ngày cuộc sống vợ chồng càng tồi tệ, thường xuyên xảy ra việc đánh cãi chửi nhau, chị H luôn luôn tìm cớ để gây chiến với anh. Ngoài ra, chị H không cho anh quan hệ với bạn bè, hàng ngày khi thợ đến xưởng sửa chữa ô tô thì chị H đuổi họ đi không cho anh làm, thái độ và hành động của chị H làm anh mất mặt với khách hàng, mất mặt với những người thân trong hai bên gia đình nội ngoại. Mặc dù chung sống tại nhà xưởng thuê nhưng cứ nhìn thấy nhau là đánh cãi chửi nhau, chị H không nấu cơm cho anh ăn, không quan tâm hay có trách nhiệm gì anh, vợ chồng đã ly thân nhau. Do anh không thể chịu đựng được sự bạo lực tinh thần do chị H gây ra cho anh trong suốt nhiều năm và diễn ra hàng ngày nên anh đã gửi đơn xin ly hôn chị H đến Tòa án nhân dân huyện Nam S. Tại Tòa án huyện Nam S chị H khai vợ chồng sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì là không đúng sự thật. Do anh chị đều sinh sống tại địa bàn thành phố Hải Dương nên vụ án được chuyển đến Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương giải quyết. Anh khẳng định không còn tình cảm vợ chồng, không còn tình nghĩa vợ chồng với chị H nên các cuộc cãi vã hàng ngày, những thái độ, hành động, lời nói và cách cư xử của chị H đối với anh trong cuộc sống hàng ngày anh đã ghi âm và quay lại được, anh sao ra USB, cung cấp cho Tòa án để làm căn cứ giải quyết vụ án cho anh được ly hôn với chị H càng sớm càng tốt.

Theo nội tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai của bị đơn là chị Trần Thị Kim H trình bày: Chị xác định anh D trình bày về điều kiện vợ chồng kết hôn là đúng, sau khi kết hôn vợ chồng sống tại địa bàn huyện Nam S đến năm 2010 thì sang thành phố Hải Dương thuê nhà ở và làm nhà xưởng sửa chữa ô tô. Do anh D tự lập làm một mình nhưng không thành công, ít việc thợ tự nghỉ hết, đầu tư nhà xưởng và thiết bị nhưng không có lãi. Mặt khác, anh D đòi mua nhà đất ở địa bàn thành phố Hải Dương nhưng chị nói vợ chồng chưa có tiền thì anh D không đồng ý đòi vay tiền để mua. Từ đó, dẫn đến việc anh D cho rằng vợ chồng không hợp nhau và gửi đơn xin ly hôn chị. Chị xác định trong cuộc sống vợ chồng hàng ngày thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau, có

vài lần vợ chồng đánh cãi nhau anh D có báo Công an phường Cẩm T can thiệp, giải quyết. Chị xác định vợ chồng tuy chung sống trong nhà xưởng thuê nhưng đã ly thân nhau từ đầu năm 2020. Chị khẳng định mâu thuẫn của vợ chồng đã làm ảnh hưởng lớn đến tinh thần và việc học tập của các con chung. Tại Tòa án huyện Nam S chị đã viết bản tự khai xác định vợ chồng không có mâu thuẫn là vì chị muốn các con chị có đủ bố và mẹ nên chị không đồng ý ly hôn với anh D. Nhưng tại Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương chị khẳng định vợ chồng có mâu thuẫn thường xuyên đánh cãi chửi nhau trong cuộc sống hàng ngày như chị trình bày ở trên là hoàn toàn đúng sự thật. Nếu anh D cương quyết xin ly hôn chị thì chị đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo qui định của pháp luật.

* Về con chung: Anh D và chị H xác định vợ chồng có 02 con chung là Đoàn Thị Vân A, sinh ngày 20/01/2004 và Đoàn Hữu H1, sinh ngày 04/8/2007. Nay vợ chồng ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của các con; chị H có nguyện vọng nuôi cả 02 con và tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi các con cùng chị, các con đều có nguyện vọng ở với chị H.

* Về tài sản chung: Anh D và chị H xác định vợ chồng có tài sản chung là số tiền mặt 450.000.000đ (*hiện đang gửi tiết kiệm tại Ngân hàng V đường Nguyễn LB, thành phố Hải Dương, sổ tiết kiệm mang tên vợ chồng*); Nhà xưởng dựng bằng khung sắt lợp mái tôn trên diện tích đất thuê của Hội C tỉnh Hải Dương thuộc địa bàn phường Cẩm T, thành phố Hải Dương, trị giá khoảng 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*); 01 ô tô 4 chỗ Daewoo Lanos màu đỏ BKS 29A-092xx, trị giá hiện tại khoảng 60.000.000đ (anh quản lý); 01 xe máy nhãn hiệu LEAD BKS 34B2-518.xx trị giá khoảng 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng chẵn*) (chị H quản lý). Tuy nhiên, anh chị đều có quan điểm và nguyện vọng để vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Nếu vợ chồng không thỏa thuận được anh sẽ yêu cầu trong vụ án Dân sự khác.

* Về nợ chung của vợ chồng: Anh chị đều xác định vợ chồng có nợ chung của bà Phạm Thị V (mẹ đẻ anh D) số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng chẵn*), vay vào tháng 9/2019 để sử dụng khi xây dựng thêm mái tôn tại Xưởng sửa chữa ô tô Duy H nhưng anh D, chị H và bà Viên đều có nguyện vọng tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Nếu không thỏa thuận được sẽ yêu cầu trong vụ án Dân sự khác.

* Về nợ riêng và công sức đóng góp với hai bên gia đình: Anh chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

* Về án phí: Anh chị đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại biên bản xác minh, Công an phường Cẩm T xác định trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng anh D, chị H có mâu thuẫn xảy ra Công an phường đã động viên, can thiệp. Lời khai của những người sống xung quanh cũng xác định vợ chồng D-H có nhiều mâu thuẫn xảy ra hàng ngày, mỗi ngày ít nhất từ một đến ba cuộc đánh cãi chửi nhau, không khí gia đình ngột ngạt, không hạnh phúc, việc mâu thuẫn của vợ chồng anh D, chị H làm ảnh hưởng đến cuộc sống của những người hàng xóm. Đề nghị Tòa án xem xét căn cứ các qui định của pháp luật giải quyết vụ án sớm để tránh mất trật tự trị an, ảnh hưởng tinh thần của các con chung.

Quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án triệu tập họp lệ cho các đương sự là nguyên bị đơn yêu cầu tham gia tố tụng tại các phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa tại Trụ sở Tòa án. Tuy nhiên, bị đơn là chị H có đơn xin được vắng mặt tại phiên họp, từ chối tham gia hòa giải và xin được vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nên Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, không hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung pháp luật qui định.

Tại phiên tòa anh D vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị HĐXX giải quyết cho anh được ly hôn với chị H và giải quyết về con chung. Ngoài ra anh không yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên tòa chấp hành đúng qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự; Người tham gia tố tụng là nguyên đơn chấp hành đúng qui định của pháp luật và bị đơn chấp hành đúng qui định của pháp luật; Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử cho anh Đoàn Hữu D được ly hôn chị Trần Thị Kim H; Về con chung: Giao 02 con là Đoàn Thị Vân A, sinh ngày 20/01/2004 và Đoàn Hữu H1, sinh ngày 04/8/2007 cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh D phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi 02 con chung cùng chị; Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung và công sức đóng góp với hai bên gia đình: Các đương sự đều xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Về án phí: Anh D và chị H phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:* Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ cho các đương sự nhưng bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên toà. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị H theo qui định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân.

- *Về quan hệ hôn nhân và căn cứ cho ly hôn:* Anh Đoàn Hữu D và chị Trần Thị Kim H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã An L, huyện Nam S, tỉnh Hải Dương vào ngày 18/3/2003, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống và cách nuôi dạy các con chung. Mặt khác, do cả hai anh chị tính tình đều nóng nảy nên trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng có những lời nói không vừa lòng nhau, không chia sẻ, thông cảm với nhau, không ai quan tâm đến ai, việc ai người đó làm, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến có những hành động lời nói xúc phạm nhau, gây áp lực tinh thần cho nhau, làm ảnh hưởng đến tinh thần và việc học tập của các con chung. Anh D và chị H đều nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng, anh D đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H; chị H xác định mặc dù vợ chồng không còn tình cảm nhưng chị không đồng ý ly hôn là vì chị muốn các con có đủ bố và mẹ. Xét trong cuộc sống hàng ngày chị H không những không tìm biện pháp cải thiện tình cảm vợ chồng mà chị còn có nhiều lời nói xúc phạm, chì chiết anh D, đập phá đồ dùng sinh hoạt được thể hiện tại các Clip do anh D ghi lại cung cấp có trong hồ sơ vụ án, chị H thừa nhận nội dung trong Clip là lời nói và việc làm của chị nên việc chị H không đồng ý ly hôn là không có căn cứ. Theo quy định của Luật HNGĐ thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, có nghĩa vụ sống chung với nhau. HĐXX xét thấy, anh chị không thực hiện được các nghĩa vụ trên. Từ đó, có thể khẳng định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, cuộc sống vợ chồng không có ý nghĩa, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho anh D được ly hôn chị H là phù hợp với quy định tại Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về quan hệ con chung:* Xác định vợ chồng có 02 con chung là Đoàn Thị Vân A, sinh ngày 20/01/2004 và Đoàn Hữu H1, sinh ngày 04/8/2007. Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, sau khi ly hôn vợ chồng vẫn có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Trong vụ án này,

chị H có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con; đồng thời cả 02 con đều có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ, anh D hoàn toàn đồng ý. Đây là nguyện vọng hoàn toàn chính đáng nên xét việc giao cả 02 con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp nguyện vọng và phù hợp quy định của pháp luật. Đối với việc chị H tự nguyện không yêu cầu anh D phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi các con chung cùng chị. HĐXX thấy rằng, chị H trình bày và cam kết hiện nay chị là nhân viên của Công ty Bảo hiểm AIA và hàng ngày bán hàng Online có thu nhập tốt, ổn định, đủ khả năng đảm bảo cuộc sống về mọi mặt cho các con nên sự tự nguyện của chị H phù hợp pháp luật, cần chấp nhận.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Anh D và chị H đều xác định vợ chồng có tài sản chung và có nợ chung như đã trình bày tại giai đoạn chuẩn bị xét xử và anh D khai tại phiên tòa, nhưng các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

- *Về tài sản riêng và công sức đóng góp với gia đình hai bên:* Vợ chồng xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

- *Về án phí:* Anh D phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. *Về quan hệ vợ chồng:* Xử cho anh Đoàn Hữu D được ly hôn chị Trần Thị Kim H.

2. *Về con chung:* Xử giao các con là Đoàn Thị Vân A, sinh ngày 20/01/2004 và Đoàn Hữu H1, sinh ngày 04/8/2007 cho chị Trần Thị Kim H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc chị không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng tiền nuôi các con cùng chị.

Anh Đoàn Hữu D có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom các con chung, không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* Anh Đoàn Hữu D phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ tiền tạm ứng án phí anh D đã nộp 300.000đ theo biên lai

thu số AA/2018/0002711 ngày 01 tháng 7 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam S, tỉnh Hải Dương. Anh D đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25/9/2020). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nội nhần:

- VKSND TP. Hải Dương;
- Chi cục THA dân sự huyện Nam S;
- Các đương sự;
- UBND xã An L, huyện Nam S, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòa án TP Hải Dương.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Tố Uyên

**top ,n nh©n d©n
thành phê h¶i dƯ-ng
TØnh h¶i DU-ng**

**Céng Họp x· héi chñ nghƯa viÖt nam
§éc lẾp - Tù do - H¹nh phóc**

Biªn b¶n nghĐ ,n

Vào hồi 15giờ 45phút ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương;

Với thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Tố Uyên**

Hội thẩm nhân dân: Bà **Ngô Thị Thời** và bà **Vũ Thị Khuôn**

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 406/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020 về việc “*Ly hôn và nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Đoàn Hữu D**, sinh năm 1981

- Bị đơn: Chị **Trần Thị Kim H**, sinh năm 1981

Đều đăng ký hộ khẩu tại: Thôn An L, xã An L, huyện Nam S, tỉnh Hải Dương.

Đều đăng ký tạm trú và chỗ ở hiện nay: Xưởng sửa chữa ô tô Duy H, Số 2 Phan BC, phường Cẩm T, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
(Anh D có mặt tại phiên tòa; chị H vắng mặt tại phiên tòa).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH

CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Kết quả biểu quyết: Nhất trí 100% 3/3 ý kiến.

Nghị án kết thúc vào hồi 16giờ 05phút, cùng ngày. Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Tố Uyên

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hải Dương, ngày 26 tháng 10 năm 2020

TRÍCH LỤC BẢN ÁN HÔN NHÂN GIA ĐÌNH

Tại bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số /2020/ST-HNGĐ ngày 25/9/2020 về việc “Ly hôn và nuôi con chung” của Toà án nhân dân thành phố Hải Dương giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Đoàn Hữu D**, sinh năm 1981

- Bị đơn: Chị **Trần Thị Kim H**, sinh năm 1981

Đều đăng ký hộ khẩu tại: Thôn An L, xã An L, huyện Nam S, tỉnh Hải Dương.

Đều đăng ký tạm trú và chỗ ở hiện nay: Xưởng sửa chữa ô tô Duy H, Số 2 Phan BC, phường Cẩm T, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
QUYẾT ĐỊNH

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
THẨM PHÁN

Trương Thị Tố Uyên

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN THẢO LUẬN

Vào hồi 15 giờ 05 phút ngày 03 tháng 6 năm 2020.

Tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương;

Với thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Tố Uyên**

- Hội thẩm nhân dân: Bà **Ngô Thị Thời** và bà **Vũ Thị Khuôn**

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 52/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 về việc “*Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Hà Thị Hồng**, sinh năm 1998.

Đăng ký hộ khẩu và cư trú tại: Thôn Thượng Đồng, xã Hồng Dụ, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Đỗ Văn Duy**, sinh năm 1986

Đăng ký hộ khẩu và cư trú: Thôn Bảo Thái, phường Tân Hưng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN,

BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ nhất nhưng anh Đỗ Văn Duy vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn có mặt tại phiên tòa. HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng hình sự hoãn phiên tòa xét xử.

Kết quả biểu quyết: Nhất trí 100% 3/3 ý kiến.

Biên bản thảo luận kết thúc vào hồi 15 giờ 15 phút, cùng ngày. Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thêm ph_n - Chũ to¹ phi^an to_μ

Trương Thị Tố Uyên